

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 14/01/2026

V/v ly hôn giữa bà P với ông H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thái Sơn

Ông Huỳnh Đức Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long.

Ngày 14 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 159/2025/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị P năm 1981;

Nơi cư trú: Số E, ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long

2. Bị đơn: Ông Phùng Văn H, sinh năm 1974;

Nơi cư trú: Số E, ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long

Bà P2 ông H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/10/2025, lời trình bày trong quá trình tố tụng, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 12/12/2025, nguyên đơn bà Phạm Thị P1 trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Phùng Văn H1 nguyện kết hôn vào năm 1997 và có đăng ký kết hôn vào ngày 30/5/2001 tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Bến Tre (nay là

xã H, tỉnh Vĩnh Long Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau; mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, bà và ông H2 còn quan tâm lẫn nhau nên cả hai đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H

Bà có công việc và thu nhập ổn định nên bà không yêu cầu xem xét đến việc cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Bà và ông H3 02 con chung tên Phùng Thị N H1 sinh ngày 20 tháng 3 năm 1998 và Phùng Tấn N1 ngày 06 tháng 10 năm 2007. Hai con chung đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung: Bà và ông H tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông H không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Mâu thuẫn giữa bà và ông H không thể hàn gắn. Do bà bận công việc làm ăn, không thể đến Tòa giải quyết vụ án nên bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án. Bà cam kết không khiếu nại về sau.

Bị đơn ông Phùng Văn H trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, văn bản tố tụng nhiều lần, hồ sơ khởi kiện photo theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông H4 vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của ông H6

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa bà Phạm Thị P2 ông Phùng Văn H là tranh chấp về ly hôn. Bị đơn ông H cư trú tại xã H, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải nhưng bị đơn ông H vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành lập biên bản không hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H vẫn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2; bà P3 vắng

mặt trong vụ án. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà P và ông H6

[2] Về hôn nhân: Bà Phạm Thị P2 ông Phùng Văn H tự nguyện kết hôn vào năm 1997 và có đăng ký kết hôn vào ngày 30/5/2001 tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Bến Tre (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp. Bà P xác định, trong thời gian vợ chồng sống chung ông bà có bất đồng về quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau; mâu thuẫn kéo dài nhưng ông bà vẫn không khắc phục được nên từ năm 2019 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Đến nay, bà P xác định quan hệ hôn nhân giữa bà và ông H không thể kéo dài nên cương quyết xin ly hôn. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông H không đến tham gia phiên hòa giải, không đến tham gia phiên tòa; điều đó cho thấy ông H không có thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Từ đó có cơ sở để xác định, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà P và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì tình trạng này sẽ ảnh hưởng đến đời sống bình thường của các thành viên trong gia đình nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P4

[3] Về con chung: Bà P và ông H có 02 con chung tên Phùng Thị N H1sinh ngày 20 tháng 3 năm 1998 và Phùng Tấn N1 ngày 06 tháng 10 năm 2007. Bà P5 định cả 02 con chung đều đã trưởng thành. Trong quá trình tố tụng, ông H5 mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông H về con chung. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết về con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và khai không có nợ chung. Trong quá trình tố tụng, ông H vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông H về tài sản chung và nợ chung. Do đó, Tòa án không xem xét về tài sản chung và nợ chung trong vụ án.

[5] Về án phí: Bà P phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 207, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Phạm Thị P1 ly hôn với ông Phùng Văn H6
2. Về con chung: Có 02 con chung tên Phùng Thị N H1 sinh ngày 20 tháng 3 năm 1998 và Phùng Tấn N1 ngày 06 tháng 10 năm 2007; con chung đều đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét.
4. Về án phí: Bà Phạm Thị P1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008452 ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bà P đã nộp đủ án phí.
5. Về quyền kháng cáo: Bà P và ông H5 mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.
6. Bản án này được thi hành theo qui định tại Điều 02 của Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7 - Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Hưng Nhượng, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Huyền